

I. Hình ảnh của khủng hoảng kinh tế - tài chính 1997 - 1999 ở một số nước châu Á

Cuộc khủng hoảng kinh tế - tài chính ở châu Á nổ ra năm 1997 trước hết xuất phát từ Thái Lan. Ngày 2.7.1997, Ngân hàng trung ương Thái Lan tuyên bố thả nổi đồng Baht, chấm dứt một thời kỳ dài duy trì chế độ tỷ giá hối đoái gắn như cố định so với đồng USD. Tỷ giá hối đoái Baht/USD: năm 1991 là 25,28, năm 1992: 25,32, năm 1993: 25,54, năm 1994: 25,09, năm 1995: 25,19, năm 1996: 25,61 [1, tr.21].

Ngay khi đồng Baht bị tuyên bố thả nổi, nó đã mất giá 20%. Tháng 1.1998 tỷ giá hối đoái đạt mức 53 Baht/USD.

Ngày 11.7.1997, Philippines tuyên bố thả nổi đồng Peso.

Ngày 11.8.1997, Malaysia tuyên bố không can thiệp vào thị trường hối đoái (thực chất là thả nổi đồng Ringgit).

Ngày 14.8.1997, Indonesia tuyên bố thả nổi đồng Rupiah.

Năm 1996, tỷ giá bình quân đồng Won của Hàn Quốc là 844,2 Won/USD thì: ngày 30.9.1997 là 914,8 Won/USD, ngày 14.12.1997 đồng Won được thả nổi. Ngày 23.12.1997 đạt kỷ lục 200 Won/USD [1, tr.142].

Có thể nói sự mất giá nhanh với quy mô chưa từng có của những đồng tiền Thái Lan, Philippines, Malaysia, Indonesia và Hàn Quốc là biểu hiện bên ngoài dễ nhận thấy nhất của sự bùng nổ khủng hoảng kinh tế - tài chính ở các nước này.

Bảng 1: Tỷ giá hối đoái bình quân năm 1996 và 1997

Nước / Tỷ giá bình quân	1996	1997
Thái Lan Baht/USD	25,61	47,25
Philippines Peso/USD	26,29	39,50
Malaysia Ringgit/USD	2,52	3,88
Indonesia Rupiah/USD	2.308	5.400
Hàn Quốc Won/USD	844,20	1.695,8

Nguồn [1, tr.21 - 25]

Biểu hiện bên ngoài thứ hai của tình trạng khủng hoảng kinh tế - tài chính là sự thua lỗ và phá sản với tốc độ và quy mô bất thường của hệ thống ngân hàng, tài chính quốc gia, (Bảng 2).

Bảng 2: Tình trạng thua lỗ và phá sản của hệ thống ngân hàng, tài chính

Nước	Năm tài chính 1.4.1996 đến 31.3.1997 Tổng số ngân hàng	Năm tài chính từ 1.4.1997 đến 31.3.1998				
		Số ngân hàng bị đình chỉ hoạt động	Số ngân hàng bị quốc hữu hóa/ Chính phủ giải ngân	Số ngân hàng bị sáp nhập	Số ngân hàng bị bán cho công ty nước ngoài	Tổng số ngân hàng "có vấn đề lớn"
Thái Lan	108	56	4	0	4	64 (59%)
Malaysia	60	0	0	41	0	41 (68%)
Indonesia	228	16	56	11	0	83 (36%)
Hàn Quốc	56	16	2	0	0	18 (32%)

Nguồn: [3]

Khủng hoảng kinh tế tài chính ở châu Á 1997 - 1999

Nguyên nhân, hậu quả và bài học với Việt Nam

GS. NGUYỄN THIÊN NHÂN

Biểu hiện bên ngoài thứ ba của tình trạng khủng hoảng kinh tế tài chính là sự thua lỗ và phá sản với quy mô và tốc độ bất thường của các doanh nghiệp (Bảng 3).

Bảng 3: Tình trạng thua lỗ và phá sản của các doanh nghiệp

Nước	Thời gian	Số doanh nghiệp phá sản
Thái Lan	Tháng 1.1998 đến 5.1998	3.961 doanh nghiệp ngừng hoạt động, trong đó 582 phá sản
Malaysia	Năm 1996 Năm 1997	489 doanh nghiệp phá sản 6.583 doanh nghiệp phá sản (bằng 13 lần so 1996)
Indonesia	Năm 1998	Khoảng 80% doanh nghiệp ngừng hoạt động
Hàn Quốc	Năm 1997 Năm 1998	14.000 doanh nghiệp phá sản 53.000 doanh nghiệp phá sản (gấp 3,8 lần năm 97)

Nguồn: [4] và [7]

Sự phá sản của hàng loạt ngân hàng, doanh nghiệp sẽ dẫn đến hai hậu quả trực tiếp là số người thất nghiệp tăng mạnh, và tăng trưởng kinh tế quốc gia giảm sút. (Bảng 4).

Bảng 4: Tăng trưởng kinh tế và thất nghiệp khi khủng hoảng kinh tế - tài chính

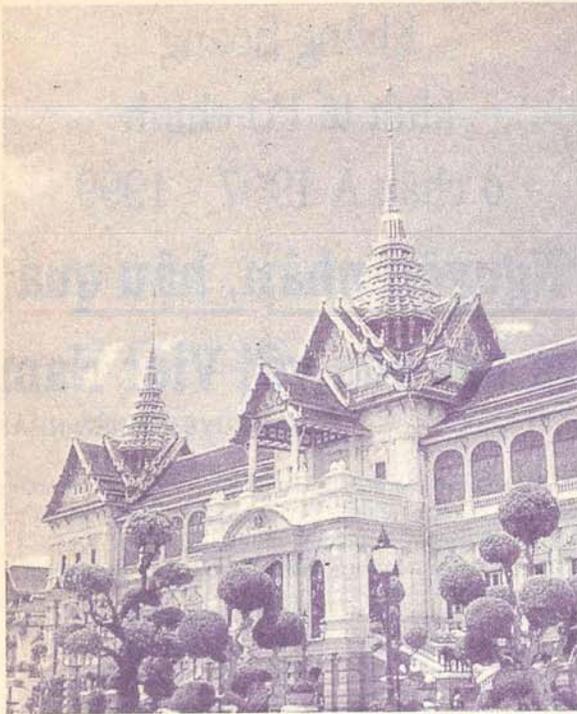
Nước Năm	Tăng trưởng kinh tế (%)			Tỷ lệ thất nghiệp (%)		
	1996	1997	1998	1996	1997	7.1998
Thái Lan	6,7	-0,4	-8,3	3,3	3,7	
Malaysia	8,2	7,0	2,0	2,6	2,7	5,0
Indonesia	7,8	4,6	-13,7	2,2	3,0	
Philippines	5,8	5,2	-0,5	9,5	10,4	13,3
Hàn Quốc	7,1	5,5	-5,8	2,3	2,5	8,0

Nguồn: [1, tr.21 - 25], [7]

Năm 1996, tổng thu nhập quốc gia của Hàn Quốc là 528 tỷ USD, năm 1998 giảm chỉ còn 317 tỷ USD, giảm 39%, thu nhập quốc gia đầu người giảm từ 11.380 USD còn 6.823 USD [6, tr.61].

Về mặt kinh tế, khủng hoảng 1997 - 1999 ở 4 nước Thái Lan, Malaysia, Indonesia và Hàn Quốc có đặc điểm giống nhau về xu hướng diễn biến của năm tham số:

1. Tỷ giá hối đoái tăng mạnh, ngoài tầm kiểm soát.
2. Phá sản hàng loạt các ngân hàng, công ty tài chính
3. Phá sản hàng loạt các doanh nghiệp.
4. Thất nghiệp tăng mạnh.
5. Tăng trưởng kinh tế giảm mạnh.



Tuy nhiên còn một số tham số khác như chỉ số lạm phát, dòng vốn vào thuận, nợ nước ngoài, lãi suất cho vay, xuất nhập khẩu, diễn biến ở các nước lại có xu hướng khác nhau [7, tr.10].

II. Khủng hoảng kinh tế - tài chính 1997 - 1999 phản ánh một sự lạc hậu về lý thuyết kinh tế vĩ mô

Cuộc khủng hoảng kinh tế - tài chính ở một số nước châu Á năm 1997 - 1999 không những gây ra những chấn động về kinh tế, xã hội ở mỗi nước, ảnh hưởng đến các nước khác ở khu vực, mà còn tạo ra một chấn động về lý luận kinh tế. Trước đó, giới khoa học kinh tế và chính trị ở nhiều nước và chuyên gia kinh tế ở nhiều tổ chức quốc tế vẫn coi sự phát triển kinh tế với tốc độ cao từ 7 đến 9%/năm, kéo dài hàng chục năm ở Thái Lan, Indonesia, Malaysia, Hàn Quốc là sự kỳ diệu của châu Á. Đến đầu năm 1997 không có dự báo, cảnh báo điều sẽ xảy ra sau sáu tháng và kéo dài suốt hai năm: đồng Baht và rupiah, đồng Ringgit, đồng Won bị phá giá với tốc độ chưa từng có; hàng chục ngàn doanh nghiệp, hàng trăm ngân hàng, công ty tài chính bị phá sản, đình chỉ hoạt động, sáp nhập; hàng triệu lao động mới bị thất nghiệp; ở Thái Lan, Indonesia, Philippines, Hàn Quốc phải bầu thủ tướng hay tổng thống mới. Tăng trưởng kinh tế từ 7 - 8%/năm trở thành âm 5 - 13% (Bảng 4).

Một chấn động như vậy, một quả bom kinh tế nổ ra ở một loạt nước mà giới quản lý và khoa học về kinh tế đã không nhận biết và dự báo được. Điều đó phản ánh một sự lạc hậu về lý thuyết kinh tế vĩ mô. Câu hỏi đặt ra với người dân, nhà doanh nghiệp, người quản lý chính quyền và giới khoa học là tại sao xảy ra khủng hoảng dữ dội như vậy, và tại sao nó lại có thể xảy ra ở những nước đó mà không ở nước khác?

Có người gọi là khủng hoảng tiền tệ, có người gọi đó là khủng hoảng kinh tế. Người ta muốn tìm ra nguyên nhân,

muốn tìm ra các lý do A, B, C để dẫn kết cục D (khủng hoảng). Trên cơ sở nghiên cứu diễn tiến của nền kinh tế các nước trước và trong khủng hoảng, chúng tôi đã chọn một cách tiếp cận khác để lý giải cuộc khủng hoảng này. Chúng tôi không tìm lý do của khủng hoảng theo kiểu lôgic "nếu A thì B", mà coi khủng hoảng là kết quả của một quá trình tích lũy các tiền đề có thể gây khủng hoảng từ mức thấp tới cao, là một quá trình chuyển biến đổi lượng thành chất. Tức là quá trình khủng hoảng có thể được khởi động từ rất lâu bởi các thay đổi có quy mô nhỏ hàng năm, có vẻ rất không nguy hiểm, song được tích lũy dần dần và tiến tới bùng nổ do sự chín muồi bên trong nền kinh tế hoặc trước một số tác động bên ngoài.

Theo hướng đó, chúng tôi đã xây dựng mô hình "Các nguy cơ khủng hoảng và cơ chế phát sinh khủng hoảng kinh tế - tài chính" qua đó chỉ rõ bốn yếu tố tiền đề của nguy cơ khủng hoảng kinh tế - tài chính trước khi xảy ra khủng hoảng và bốn vòng xoáy khủng hoảng khi nổ ra khủng hoảng kinh tế - tài chính. Việc xây dựng các mô hình này dựa trên sự phân tích các quan hệ kinh tế vĩ mô và vĩ mô, đồng thời vận dụng phương pháp sơ đồ khối, mô phỏng của điều khiển học. Việc kết hợp này không làm cho việc lý giải quá trình khủng hoảng phức tạp hơn, mà lại đơn giản và rõ ràng hơn là chỉ dùng chữ và công thức, bảng số liệu, đồ thị.

Trên cơ sở phương pháp tiếp cận này, chúng tôi đã phân tích cụ thể quá trình hình thành các nguy cơ khủng hoảng và diễn biến của khủng hoảng kinh tế - tài chính ở bốn nước Thái Lan, Indonesia, Malaysia và Hàn Quốc, qua đó chỉ rõ ở ba nước Thái Lan, Indonesia và Hàn Quốc đã xuất hiện, tích lũy cả bốn nguy cơ khủng hoảng vào đầu và giữa năm 1997, còn ở Malaysia chỉ có một nguy cơ khủng hoảng được tích lũy [7].

III. Mô hình "Các nguy cơ khủng hoảng và cơ chế phát sinh khủng hoảng kinh tế - tài chính"

Trên cơ sở nghiên cứu, xây dựng mô hình các yếu tố nguy cơ dẫn đến khủng hoảng và phân tích thực tiễn diễn biến khủng hoảng ở các nước Thái Lan, Hàn Quốc chúng tôi đã xây dựng mô hình "Các nguy cơ khủng hoảng và cơ chế phát sinh khủng hoảng kinh tế - tài chính" theo Sơ đồ 3.1.

Qua đó ta thấy, khủng hoảng chỉ có thể nổ ra khi bên trong nền kinh tế quốc gia đã tích lũy bốn nguy cơ khủng hoảng là:

- Sự kém hiệu quả của các doanh nghiệp;
- Sự kém hiệu quả của các ngân hàng, công ty tài chính;
- Sự lên giá của đồng nội tệ;
- Nguy cơ quốc gia mất khả năng thanh toán;

Và khi bên ngoài có một tác động quyết định là sự rút vốn tài chính của các nhà đầu tư nước ngoài.

Khi đồng nội tệ bị lên giá do quốc gia duy trì tỷ giá hối đoái gần như cố định quá lâu, yếu kém về xuất khẩu, giữ lãi suất cho vay trong nước cao hơn lãi suất các đồng tiền mạnh ở nước ngoài, thì trước sau nguy cơ mất khả năng thanh toán sẽ ngày càng lớn, khả năng giữ tỷ giá hối đoái cố định sẽ ngày càng suy yếu và việc phải thả nổi đồng tiền nội địa - tức tăng tỷ giá hối đoái chỉ còn là vấn đề thời gian.

Khi một số nhà đầu tư nước ngoài tiên đoán chính phủ nước sở tại sắp hết dự trữ ngoại tệ để duy trì tỷ giá hối đoái cố định thì họ sẽ bán tài sản họ đã đầu tư, đổi lấy ngoại tệ mang ra nước ngoài. Lúc đầu, chính phủ các nước thường

bán dự trữ ngoại tệ để duy trì tỷ giá cũ, song đến một lúc nào đó, không còn đủ khả năng bán nữa thì sẽ thả nổi tỷ giá hối đoái. Lúc này các nhà đầu tư nước ngoài chưa bán tài sản (cổ phần, trái phiếu, tín phiếu) thì sẽ tìm cách bán thật nhanh và đổi sang ngoại tệ mạnh để tối thiểu hóa thiệt hại của mình. Áp lực này càng làm cho tỷ giá hối đoái tăng vọt. Đó là vòng xoáy khủng hoảng thứ 1, tác động rất nhanh tới tỷ giá hối đoái (Sơ đồ 3.1).

Khi tỷ giá hối đoái tăng vọt, thì nợ nước ngoài của các ngân hàng, công ty tài chính tính bằng đồng tiền nội địa sẽ tăng vọt theo, trong khi đó người dân lại đổ xô đi rút tiền tiết kiệm ra khỏi ngân hàng. Các ngân hàng, vốn làm ăn đã kém hiệu quả, sẽ nhanh chóng mất khả năng chi trả, phá sản (Sơ đồ 3.1).

Và việc chỉ vài ngân hàng phá sản, sẽ gây tâm trạng lo âu cho người dân gửi tiền tiết kiệm ở các ngân hàng khác, họ sẽ lại chạy đi rút tiền tiết kiệm ra khỏi ngân hàng, dẫn đến việc cả các ngân hàng làm ăn hiệu quả cũng có thể lâm vào mất khả năng chi trả, phá sản. Đó là vòng xoáy khủng hoảng thứ 3, tác động nhanh (Sơ đồ 3.1).

Khi tỷ giá hối đoái tăng mạnh, nợ ngoại tệ của các doanh nghiệp tính bằng tiền nội địa sẽ tăng vọt, cùng với việc các ngân hàng, công ty tài chính phá sản sẽ không có khả năng cung ứng tín dụng cho các doanh nghiệp hoạt động nữa. Các doanh nghiệp nào hoạt động vốn đã kém hiệu quả, thì giờ đây sẽ không có đủ vốn để kinh doanh, càng sớm bị đẩy tới thua lỗ và phá sản. Khi doanh nghiệp thua lỗ thì các ngân hàng, công ty tài chính lại không đòi được nợ, sẽ càng phá sản nhanh hơn. Đó là vòng xoáy khủng hoảng thứ 4, tác động chậm hơn các vòng trước (Sơ đồ 3.1).

Khi một nước bị khủng hoảng dẫn tới hậu quả là tỷ giá

hối đoái của nước đó tăng mạnh, thì tính cạnh tranh của hàng xuất khẩu từ nước đó tăng, làm cho xuất khẩu của các nước có tỷ giá hối đoái ổn định bị ảnh hưởng xấu. Điều này làm cho cán cân thương mại của nước này càng thâm hụt, khả năng thanh toán của quốc gia càng suy yếu. Đây là áp lực buộc các nước này phải phá giá đồng nội tệ để đẩy mạnh xuất khẩu, phòng ngừa mất khả năng thanh toán (Sơ đồ 3.1). Có thể gọi đây là tác động dây chuyền của việc phá giá nội tệ của một nước tới các nước khác (Sơ đồ 3.1).

Tóm lại, từ mô Hình "Các nguy cơ khủng hoảng và cơ chế phát sinh khủng hoảng kinh tế - tài chính", chúng ta nhận thấy khủng hoảng kinh tế - tài chính "kiểu châu Á 1997 - 1999" đã nổ ra với các điều kiện bên trong là sự tích lũy 4 nguy cơ khủng hoảng, với sự xuất hiện và tác động lẫn nhau của 4 vòng xoáy khủng hoảng và dưới tác động dây chuyền của phá giá nội tệ (Sơ đồ 3.1).

Trình tự xuất hiện của các vòng xoáy khủng hoảng ở mỗi nước, tiến trình khủng hoảng ở mỗi nước có khác nhau, tùy theo hoàn cảnh cụ thể (mức độ tích lũy các nguy cơ khủng hoảng) và chính sách đối phó của mỗi nước.

Chúng ta sử dụng thuật ngữ khủng hoảng kinh tế - tài chính, vì:

- Nó liên quan đến yếu tố nền tảng của nền kinh tế mỗi quốc gia là hoạt động của các doanh nghiệp, ngân hàng và hiệu quả kinh tế của chúng (khía cạnh kinh tế).

- Nó liên quan đến chính sách tỷ giá hối đoái, đến khả năng thanh toán của quốc gia và sự đầu tư tài chính của nước ngoài (khía cạnh tài chính).

- Sự tác động lẫn nhau giữa các yếu tố trên trong quá trình khủng hoảng (kinh tế - tài chính) ■

(Còn tiếp)

Sơ đồ 3.1 Mô Hình "Các nguy cơ khủng hoảng và cơ chế phát sinh khủng hoảng kinh tế - tài chính"

